

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN CÔNG NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

1.1 Khái niệm

1.1.1 Khái niệm

▪ **Khái niệm khoản phải thu khách hàng**

“Phải thu của khách hàng là khoản tiền mà khách hàng nợ doanh nghiệp do đã cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Đây là khoản nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất phát sinh thường xuyên và cũng gặp nhiều rủi ro nhất trong các khoản nợ phải thu phát sinh tại doanh nghiệp.

Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính.”

(Nguồn: Võ Văn Nhị, 2015)

▪ **Khái niệm phải thu khác**

“Các khoản phải thu khác bao gồm các khoản phải thu không thuộc nội dung các khoản phải thu nói trên và phải thu nội bộ, cụ thể như sau:

- Giá trị tài sản thiếu tài sản đã được phát hiện nhưng chưa rõ nguyên nhân chờ xử lý;
- Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do các nhân, tập thể (trong ngoài doanh nghiệp) gây mất mát, hư hỏng, hàng hóa vật tư,... đã được xử lý bồi thường;
- Các khoản cho bên khác mượn bằng tài sản phi tiền tệ (nếu cho mượn bằng tiền thì kế toán phải treo trên TK 1283);
- Các khoản chi cho hoạt động sự nghiệp, chi dự án, chi đầu tư XD CB, chi phí sản xuất, kinh doanh nhưng không được cấp thẩm quyền phê duyệt phải thu hồi;
- Các khoản chi hộ phải thu hồi như: nhận ủy thác xuất nhập khẩu chi hộ cho bên ủy thác xuất khẩu về phí ngân hàng, phí hải quan, phí vận chuyển bốc dỡ,...

- Các khoản thu phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước như: chi phí cổ phần hóa, trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc, hỗ trợ đào tạo lại lao động,...
- Tiền lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận phải thu từ các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các khoản phải thu khác ngoài các khoản trên.”

(Nguồn: Võ Văn Nhị, 2015)

▪ **Khái niệm trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

“Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.”

(Nguồn: Thông tư 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các nợ phải thu khó đòi)

“Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:

- Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách hàng nợ về số tiền nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ,...
- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.
- Các điều kiện khác theo quy định của pháp luật.”

(Nguồn: Thư viện pháp luật)

1.1.2 Đặc điểm, phân loại

❖ **Đặc điểm:**

- Quản lý công nợ phải thu là một trong những mối quan tâm hàng đầu và mang ý nghĩa sống còn với hầu hết các doanh nghiệp hiện nay.
- Kế toán phải thu khách hàng phải theo dõi chi tiết từng phát sinh, từng đối tượng khách hàng.
- Nắm bắt tình hình thanh toán khách hàng từ đó đưa ra các chính sách hoặc các phương pháp thu hồi nợ phải thu khách hàng và trích lập dự phòng.

❖ **Phân loại:**

Phân loại theo thời hạn:

- Nợ ngắn hạn là khoản nợ có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh bình thường.
- Nợ dài hạn là khoản nợ có thời hạn thu hồi lớn hơn một năm hoặc quá một chu kỳ kinh doanh bình thường.

Phân loại theo các giao dịch phát sinh trong doanh nghiệp:

- Các khoản phải thu khách hàng
- Các khoản phải thu nội bộ
- Các khoản tạm ứng của công nhân viên
- Các khoản phải thu khác

1.1.3 Vai trò, nhiệm vụ

❖ Vai trò:

Kế toán phải thu khách hàng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý dòng tiền và đảm bảo sự ổn định tài chính, là một phần không thể thiếu trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nó đảm bảo rằng các khoản nợ từ khách hàng được theo dõi và thu hồi kịp thời, xử lý nợ quá hạn và đánh giá rủi ro tín dụng, từ đó giúp duy trì dòng tiền ổn định, giúp tối ưu hóa vốn lưu động và duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng. Một hệ thống kế toán phải thu hiệu quả giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro tài chính, tối ưu hóa việc sử dụng vốn và nâng cao khả năng thanh khoản, tăng cường sử dụng vốn hiệu quả, và góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

❖ Nhiệm vụ:

- Kế toán phải thu khách hàng chịu trách nhiệm ghi nhận, theo dõi và quản lý các khoản nợ mà khách hàng phải thanh toán cho doanh nghiệp, đảm bảo số liệu chính xác và cập nhật.
- Cần phải lập hóa đơn kịp thời và đúng hạn, theo dõi quá trình thanh toán của khách hàng, đảm bảo rằng các khoản tiền được thu đúng hạn và đầy đủ.
- Thực hiện đánh giá rủi ro tín dụng của khách hàng, giúp doanh nghiệp quyết định các điều khoản tín dụng phù hợp và giảm thiểu rủi ro mất nợ.
- Xử lý nợ quá hạn, khi khách hàng chậm trễ thanh toán, kế toán phải thu cần liên hệ để nhắc nhở, đàm phán nếu cần, áp dụng các biện pháp thu hồi công nợ.
- Cung cấp các báo cáo chi tiết về tình hình công nợ phải thu, phân tích xu hướng thanh toán và đưa ra những khuyến nghị giúp cải thiện hiệu quả quản lý công nợ.

1.2 Ý nghĩa và sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Cho dù ở bất kỳ tổ chức hay doanh nghiệp nào thì kế toán công nợ phải thu khách hàng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và theo dõi các khoản tiền mà doanh nghiệp cần thu từ khách hàng sau khi cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ. Việc này không chỉ giúp kiểm soát dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán mà còn đánh giá mức độ tin cậy của khách hàng. Đồng thời, kế toán công nợ phải thu giúp doanh nghiệp phát hiện sớm các khoản nợ khó đòi, từ đó đưa ra các biện pháp thu hồi hiệu quả và lập báo cáo tài chính chính xác, hỗ trợ cho các quyết định quản lý tài chính.

1.3 Luật, nghị định, chuẩn mực, thông tư

❖ Luật:

- Luật Kế toán số 71/QH13, Quốc Hội khóa XIII, ban hành về “*Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế*”, ngày ban hành 26/11/2014, ngày hiệu lực 01/01/2015.
- Luật Kế toán số 88/QH13, Quốc Hội khóa XIII, ban hành về “*Luật kế toán*”, ngày ban hành 20/11/2015, ngày hiệu lực 01/01/2017.
- Luật Doanh nghiệp số 59/QH14, Quốc Hội Khóa XIV, ban hành về “*Luật doanh nghiệp*”, ngày ban hành 17/06/2020, ngày hiệu lực 01/01/2021.

❖ Nghị định:

- Nghị định 119/2018/NĐ-CP “*Quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ*”, do Chính phủ ban hành ngày 12/09/2018.
- Nghị định 139/2016/NĐ-CP “*Quy định người nộp phí môn bài, miễn lệ phí môn bài, mức thu và khai, nộp lệ phí môn bài đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ*”, do Chính phủ ban hành ngày 04/10/2016.
- Nghị định 174/2016/NĐ-CP “*Hướng dẫn Luật kế toán*”, do Chính Phủ ban hành ngày 30/12/2016.

❖ Chuẩn mực:

- Chuẩn mực kế toán số 01 – “*Chuẩn mực chung*”, Điều 31 do Bộ Tài Chính ban hành ngày 31/12/2002.
- Chuẩn mực số 14 – “*Doanh thu và thu nhập khác*”, Điều 10 và Điều 16, Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ **Thông tư:**

- Thông tư 156/2013/TT-BTC: “Hướng dẫn luật quản lý thuế sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế và nghị định 83/2013/NĐ-CP”.
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về “hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp”.
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về “việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC”.

1.4 Hạch toán kế toán phải thu khách hàng theo Thông tư 200

1.4.1 Nguyên tắc hạch toán:

- “Theo quy định tại điều 18, thông tư 200/2014/TT-BTC thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, nguyên tắc kế toán phải thu của khách hàng như sau:
- Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ. Tài khoản này còn dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XD CB với người giao thầu về khối lượng công tác XD CB đã hoàn thành. Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ thu tiền ngay.
- Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi (trên 12 tháng hay không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo) và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu của khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.
- Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận trong tài khoản này đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.
- Trong hạch toán chi tiết tài khoản này, kế toán phải tiến hành phân loại các khoản nợ, loại nợ có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi có khả năng không thu hồi được, để có căn cứ xác định số trích lập dự phòng phải thu khó đòi hoặc có biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Trong quan hệ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp với khách hàng, nếu sản phẩm, hàng hóa, BĐSĐT đã giao dịch vụ đã cung cấp không đúng theo thỏa thuận trong HĐ kinh tế thì người mua có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá hàng bán hoặc trả lại số hàng đã giao.
 - Doanh nghiệp phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu của khách hàng theo từng loại nguyên tệ. Đối với các khoản phải thu bằng ngoại tệ.”
- (Nguồn: Nguyên tắc kế toán khoản phải thu - Kế toán Thiên Ưng)

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng
- Biên lai chuyển tiền
- Phiếu hạch toán
- Chứng từ kế toán

1.4.2 Tài khoản sử dụng

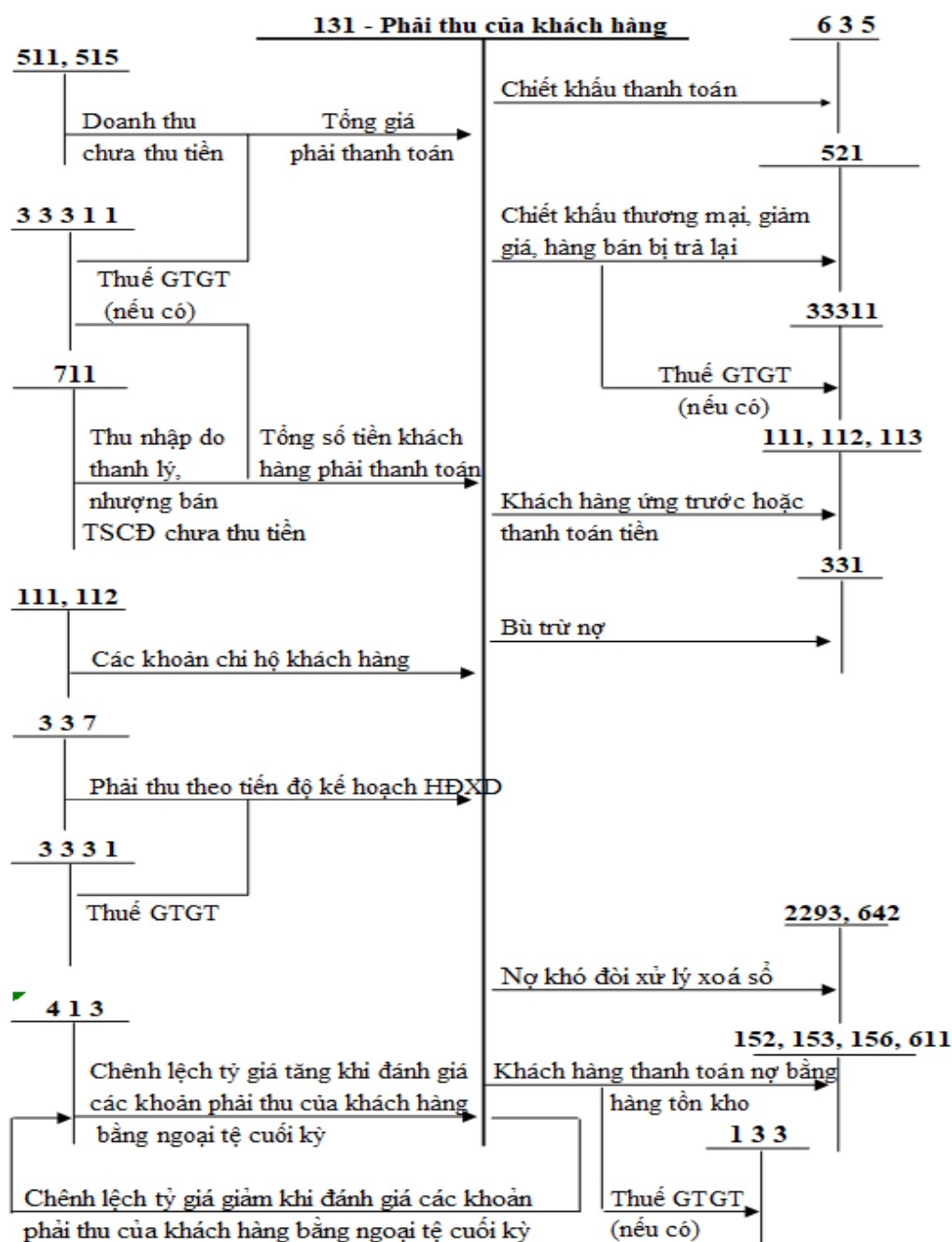
Sử dụng TK 131: Phải thu của khách hàng

Nội dung và kết cấu:

Nợ	Tài khoản 131	Có
SĐDK: Phải thu khách hàng đầu kỳ - Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ - Số tiền thừa trả lại cho khách hàng	- Số tiền khách hàng đã trả nợ - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng - Doanh thu của số hàng đã bán bị trả lại - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
SDCK: Phải thu khách hàng cuối kỳ		SDCK: Số tiền trả trước của khách hàng và số tiền khách hàng trả thừa còn cuối kỳ

1.4.3 Sơ đồ hạch toán

KẾ TOÁN PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán TK 131

1.4.4 Một số giao dịch kinh tế chủ yếu

- “**Khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền:**

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng (tổng thanh toán)

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

- Có TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp:
- Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Có TK 333- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước
- Hàng bán bị khách hàng trả lại:**
- Nợ TK 5213- Hàng bán bị trả lại (giá bán chưa có thuế)
- Nợ TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)
- Có TK 131- Phải thu khách hàng
- Chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán:**
- Nợ TK 521- Các khoản giảm trừ doanh thu (5211,5212) (giá chưa có thuế)
- Nợ TK 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)
- Có TK 131- Phải thu khách hàng (tổng số tiền giảm giá)
- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định:**
- Nợ các TK 111, 112
- Nợ TK 635- Chi phí tài chính (số tiền chiết khấu thanh toán)
- Có TK 131- Phải thu khách hàng
- Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi:**
- Nợ các TK 111, 112, ...
- Nợ TK 131- Phải thu khách hàng
- Có TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi)
- Các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:**
- Trường hợp HĐ xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:
- Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng
- Có TK 337- Thanh toán theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Trường hợp HĐ xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Khoản tiền thưởng thu được từ khách hàng trả phụ thêm cho nhà thầu khi thực hiện HĐ đạt hoặc vượt một số chỉ tiêu cụ thể đã được ghi trong HĐ:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị HĐ:

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 131- Phải thu khách hàng

- **Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng):**

Nợ các TK 152, 153, 156, ...

Nợ TK 611- Mua hàng

Nợ TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

- **Trường hợp phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu nợ được phải xử lý xóa sổ:**

Nợ TK 229- Dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

- Khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131- Phải thu khách hàng

 Có TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

 Có 3331- Thuế GTGT phải nộp

- Khi lập BCTC, số dư nợ phải thu của khách hàng bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập BCTC:

Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng

Nợ TK 131- Phải thu khách hàng

 Có TK 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm

Nợ 413- Chênh lệch tỷ giá hối đoái

 Có TK 131- Phải thu khách hàng”

(Nguồn: Tài khoản 131- Thông tư 200 – Kế toán Thiên Ưng)

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG CÔNG VIỆC KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH
HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI

2.1 Giới thiệu công ty

2.1.1 Thông tin về công ty

Logo	
Tên giao dịch tiếng việt	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
Tên giao dịch tiếng anh	DAI LUC DONG NAI JOINT STOCK COMPANY
Địa chỉ	Tổ 14, Ấp 1 Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế	3603520420
Người đại diện pháp luật	Vòng Cá Sênh
Ngày thành lập	30/12/2017
website	dailucdongnai.com
Số điện thoại	0251.396.1228
Ngành nghề kinh doanh	Chuyên sản xuất tất cả các loại giày thể thao

❖ **Hình ảnh minh họa**



Hình 2.1: Văn phòng Công ty



Hình 2.2: Hồ cá của Công ty

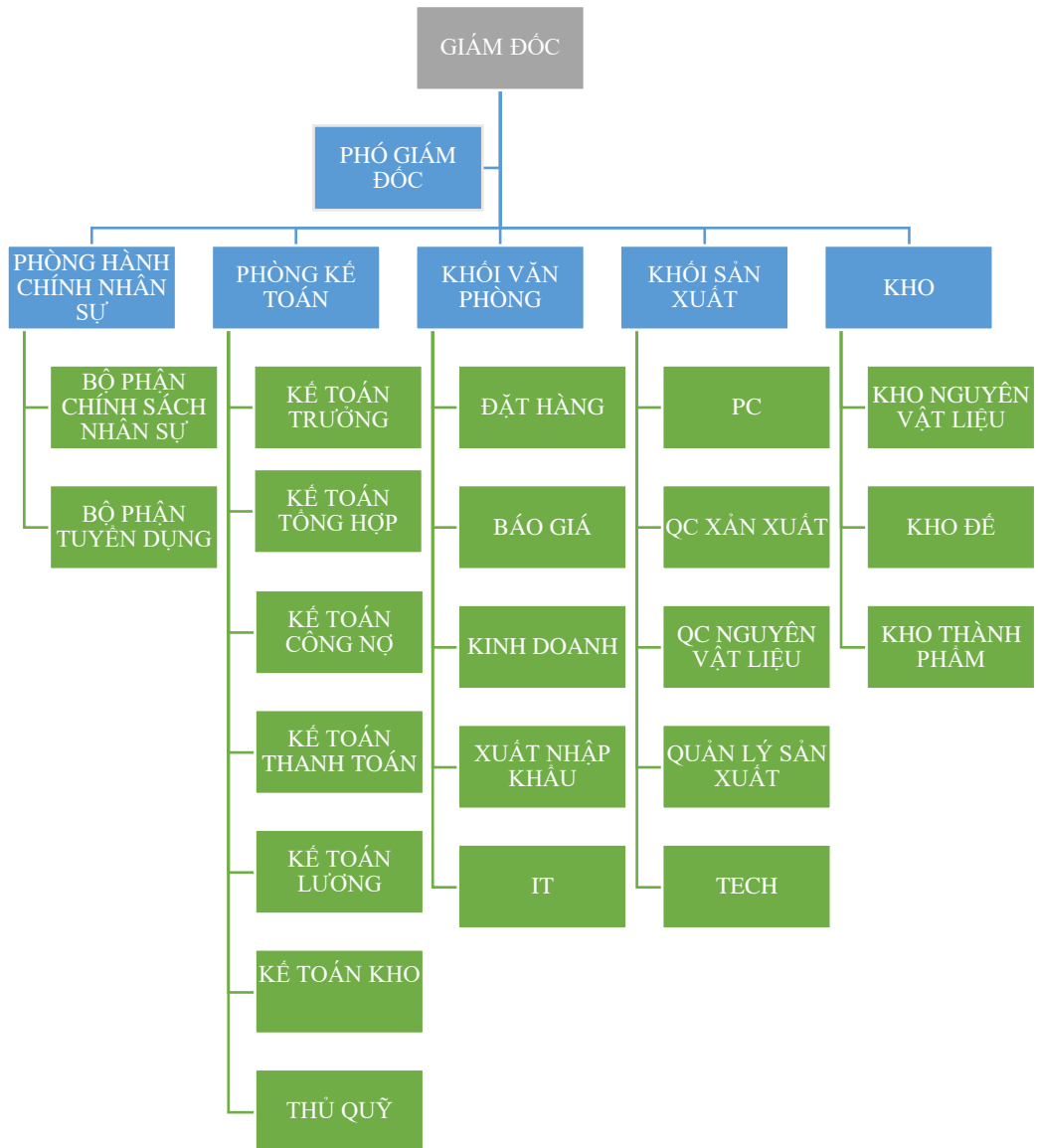


Hình 2.3: Khu sản xuất, chuyên may



Hình 2.4: Các sản phẩm đặc trưng của Công ty

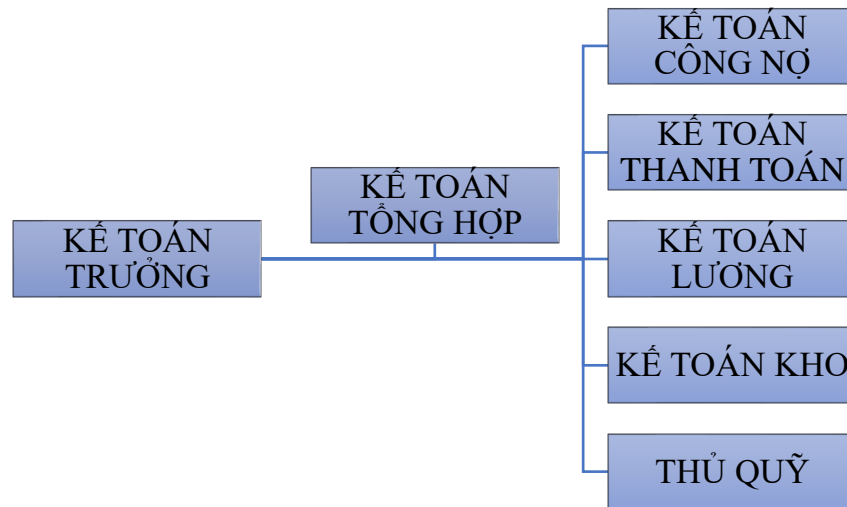
2.1.2 Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức của Công ty

2.2 Tổ chức hệ thống kế toán

2.2.1 Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2. 2: Sơ đồ tổ chức phòng Kế toán

2.2.2 Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

❖ **Kế toán trưởng: Hồ Nhục Lìn**

- Điều hành và Quản lý phòng kế toán: Đảm bảo các hoạt động kế toán hàng ngày được thực hiện một cách chính xác và hiệu quả.
- Phát triển và duy trì hệ thống kế toán: Xây dựng các quy trình và chính sách kế toán, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định kế toán.
- Chuẩn bị báo cáo tài chính: Đảm bảo rằng báo cáo tài chính được chuẩn bị đúng thời hạn và theo các nguyên tắc kế toán đúng.
- Phân tích tài chính: Phân tích dữ liệu tài chính để cung cấp thông tin hữu ích cho quản lý và ra quyết định chiến lược.
- Đối thoại với các bộ phận khác: Hỗ trợ các bộ phận khác trong công ty bằng cách cung cấp thông tin kế toán và tài chính liên quan.
- Đảm bảo tuân thủ quy định pháp lý: Đảm bảo rằng tất cả các hoạt động kế toán tuân thủ các quy định pháp lý và nội bộ của công ty.

❖ **Kế toán tổng hợp: Trần Thị Mây**

- Sắp xếp và kiểm tra tính hợp lý của chứng từ gốc sau khi đối chiếu với bộ phận kế toán thanh toán và thủ quỹ.
- Tập hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị để lên chứng từ ghi sổ, mở sổ chứng từ ghi sổ.

- Mở sổ cái chi tiết các tài khoản theo quy định kế toán hiện hành.
- Theo dõi khoản trích nộp BHXH, BHYT, KPCĐ.
- Phân bổ hợp lý các khoản trích vào giá thành như tiền lương, khấu hao TSCĐ, chi phí sửa chữa.
- Quản lý phần mềm kế toán của đơn vị, trích lập và lưu trữ các tài liệu thông tin về kế toán của công ty từng năm theo chế độ bảo mật.

❖ **Kế toán tiền lương: Nguyễn Thị Hải Yến**

- Thực hiện chi trả lương cho nhân viên qua hệ thống ngân hàng hoặc tiền mặt theo đúng lịch trình. Đảm bảo các khoản thanh toán lương đúng thời hạn và chính xác.
- Lập các báo cáo liên quan đến tiền lương, bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cá nhân để nộp cho cơ quan thuế, bảo hiểm xã hội và các cơ quan quản lý nhà nước khác theo quy định.
- Cung cấp báo cáo chi tiết về lương cho ban lãnh đạo công ty để hỗ trợ trong việc quản lý chi phí và hoạch định tài chính.
- Đối chiếu kiểm tra các khoản thanh toán lương và các báo cáo nội bộ để đảm bảo tính chính xác và minh bạch. Kiểm tra tính hợp lệ của các khoản chi lương.
- Giải đáp các thắc mắc của nhân viên liên quan đến lương, phụ cấp, khấu trừ,...
- Phối hợp với các bộ phận khác để xử lý khiếu nại hoặc tranh chấp về lương.
- Hỗ trợ quản lý nhân sự như tuyển dụng, chấm công, đào tạo và phát triển nhân viên.

❖ **Kế toán công nợ: Đoàn Thị Mỹ Duyên**

- Quản lý và theo dõi các khoản nợ của công ty đối với các khách hàng hoặc đối tác kinh doanh.
- Ghi nhận các khoản nợ, theo dõi các khoản thanh toán và cung cấp thông tin về tình trạng nợ cho các bộ phận khác trong công ty.
- Thực hiện các hoạt động thu nợ và quản lý các biện pháp xử lý khi có khách hàng không thanh toán đúng hạn. Hỗ trợ cho phòng hành chính kế toán tổng hợp trong việc nhập liệu.

❖ **Kế toán thanh toán: Phan Thị Huyền**

- Xác nhận và thực hiện các khoản thanh toán của công ty đến các đối tác và nhà cung cấp.

- Xử lý các hóa đơn, chứng từ thanh toán và bảo đảm rằng các khoản thanh toán được thực hiện đúng thời hạn và đúng số tiền.
- Đồng thời thực hiện ghi nhận các giao dịch liên quan đến tiền mặt và tiền gửi của công ty.

❖ **Kế toán kho: Nguyễn Thị Thu Trang**

- Quản lý và kiểm soát lượng hàng hóa và vật liệu trong kho của công ty. Bao gồm:
- Nhập kho: ghi nhận các mặt hàng và vật liệu được nhập vào kho từ nhà cung cấp.
- Xuất kho: ghi nhận và xử lý các đơn đặt hàng từ khách hàng, điều này bao gồm việc xuất hàng từ kho.
- Kiểm kê kho: thực hiện kiểm tra định kỳ để xác định số lượng hàng hóa và vật liệu tồn kho thực tế.
- Báo cáo tồn kho: lập báo cáo về tình trạng tồn kho, bao gồm số lượng và giá trị của các mặt hàng có sẵn trong kho.
- Phối hợp với các bộ phận khác: liên kết với bộ phận mua hàng, bán hàng và sản xuất để đảm bảo rằng các hoạt động trong kho được thực hiện một cách hiệu quả.

❖ **Thủ quỹ: Hà Siu Vành**

- Quản lý về quỹ tiền mặt, ngân phiếu, có giá trị bằng tiền của công ty.
- Tham gia quản lý tiền mặt của công đoàn, quỹ tương trợ của công nhân viên.
- Cuối ngày lập báo cáo chuyển giao cho kế toán thanh toán đối chiếu với phiếu xác nhận, cuối tuần gửi báo cáo quỹ cho Giám Đốc 1 bản để theo dõi quản lý thu, chi.
- Thường xuyên kiểm tra quỹ tiền mặt, hàng tháng đối chiếu số liệu, kiểm quỹ tiền mặt với kế toán thanh toán và kế toán tổng hợp.

2.2.3 Đặc điểm và chính sách kế toán

❖ **Đặc điểm:**

- Chế độ kế toán: theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- Đồng tiền hạch toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Hình thức kế toán: Nhật ký chung

- Xử lý dữ liệu kế toán bằng: Excel, Phần mềm kế toán Misa (SME 2022 R19 19.00.18)

❖ **Chính sách kế toán:**

- Phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: nguyên tắc phù hợp
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền cuối kỳ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp đường thẳng
- Chính sách phải thu khách hàng: Công ty dựa theo hợp đồng căn cứ vào các điều khoản và thời gian thanh toán để theo dõi quản lý công nợ khách hàng

2.3 Thực trạng công việc kế toán phải thu khách hàng tại Công ty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai

2.3.1 Yêu cầu của công việc

❖ **Mục đích công việc:**

- Giúp cho doanh nghiệp ghi chép, xử lý các vấn đề về các khoản phải thu khách hàng kịp thời tránh được những thiệt hại không đáng có, ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp.
- Góp phần phản ánh được tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó phân tích, kịp thời đưa ra kế hoạch phát triển đúng đắn.

❖ **Nhiệm vụ chính của kế toán phải thu khách hàng**

- Theo dõi chi tiết các khoản phải thu từ khách hàng, bao gồm số tiền, thời hạn thanh toán và các điều khoản liên quan. Đảm bảo việc ghi nhận công nợ chính xác, đầy đủ và kịp thời trong sổ sách kế toán.
- Lập hóa đơn cho khách hàng theo đúng hợp đồng và thời hạn quy định. Kiểm tra và xác nhận các chứng từ liên quan đến công nợ như hợp đồng, hóa đơn, giấy báo có,...
- Giám sát việc thanh toán của khách hàng. Ghi nhận các khoản thanh toán vào hệ thống kế toán và đối chiếu với các khoản phải thu.
- Thực hiện đối chiếu công nợ định kỳ với khách hàng để xác nhận số dư công nợ.
- Phải xác minh tại chỗ hoặc yêu cầu xác minh bằng văn bản đối với các khoản nợ tồn đọng lâu ngày chưa và khó có khả năng thu hồi được để làm căn cứ lập dự phòng phải thu khó đòi về các khoản thu này.

- Lập các báo cáo công nợ phải thu định kỳ hoặc theo yêu cầu của ban lãnh đạo, giúp quản lý kiểm soát dòng tiền và đánh giá khả năng thanh toán của khách hàng.
- Đảm bảo việc quản lý và ghi nhận công nợ phải thu tuân thủ đúng các quy định pháp luật và chính sách của công ty.

❖ **Kết quả công việc**

- Giúp doanh nghiệp quản lý được doanh thu bán hàng và các khoản nợ của khách hàng.
- Phản ánh được tình hình tài chính của doanh nghiệp, từ đó phân tích, kịp thời đưa ra kế hoạch phát triển đúng đắn.

❖ **Các yêu cầu cho vị trí công việc:**

Trình độ: Tốt nghiệp Đại học/Cao đẳng chuyên ngành Kế toán.

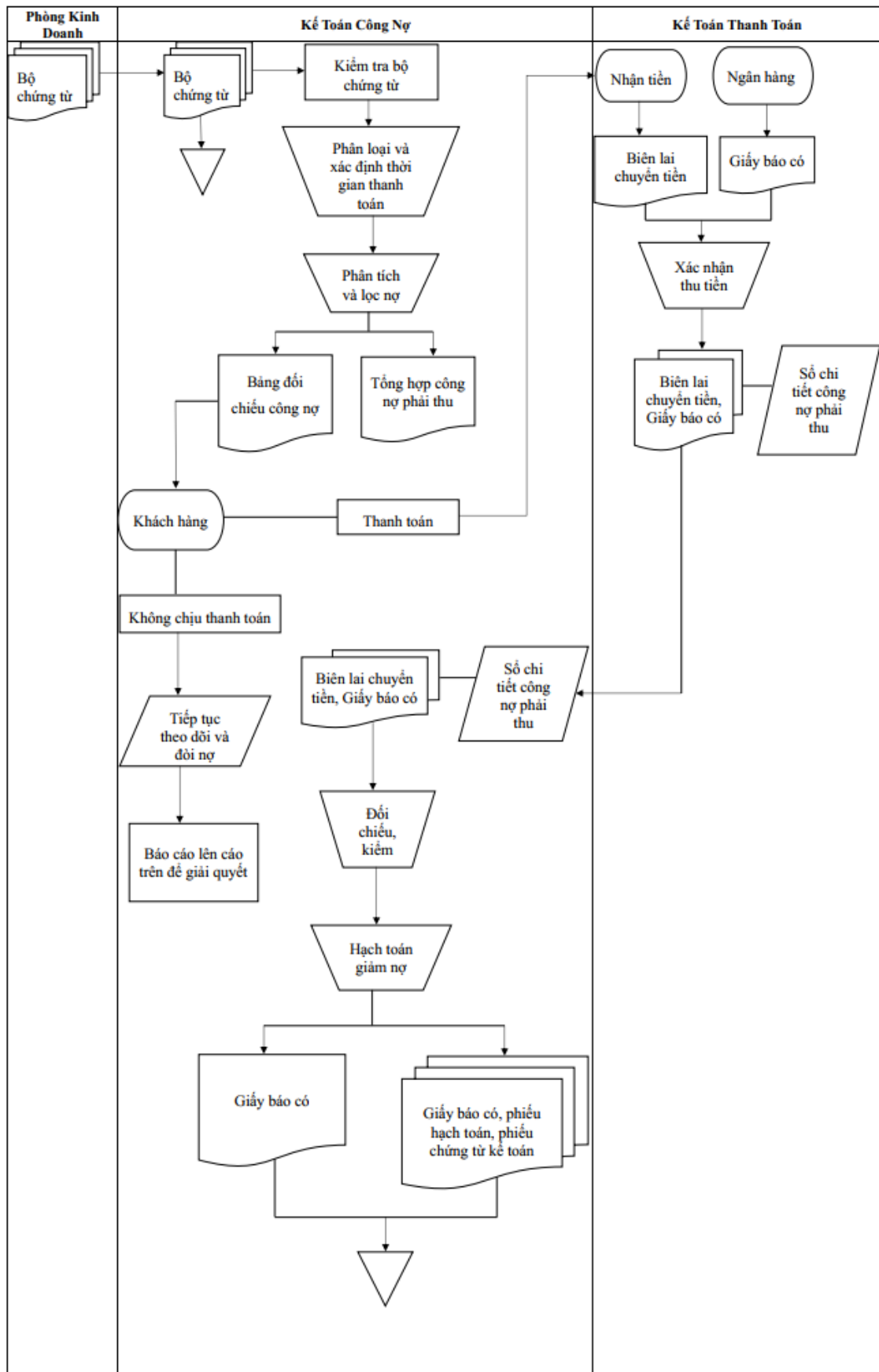
Kinh nghiệm: ít nhất 1 năm tại vị trí Kế toán công nợ.

Kỹ năng:

- Có kiến thức chuyên môn;
- Thành thạo tin học văn phòng;
- Có trách nhiệm với công việc;
- Tính trung thực, cẩn trọng và tỉ mỉ.

2.3.2 Trình tự tiến hành

❖ **Lưu đồ/Sơ đồ quy trình công việc:**



Lưu đồ 2.1: Lưu đồ quy trình công việc tại Công ty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai

❖ **Diễn giải:**

Bước 1: Sau khi hoàn thành bán hàng cho khách hàng, phòng kinh doanh sẽ chuyển bộ chứng từ sang cho kế toán công nợ :

- Kiểm tra bộ chứng từ: (Bộ chứng từ có đầy đủ hợp đồng và các giấy tờ cần thiết) kế toán công nợ kiểm tra nội dung, các điều khoản thanh toán, thời hạn thanh toán, kiểm tra có đầy đủ chữ ký được xác nhận bởi người đại diện pháp lý của hai bên ký hợp đồng không.
- Kiểm tra hóa đơn xem có đúng về số lượng và số tiền không.

Bước 2: Gửi công nợ đến khách hàng để đòi nợ:

- Kế toán công nợ sẽ liệt kê các khoản nợ phải thu theo từng nhóm tuổi để theo dõi phân công đòi nợ. Đồng thời thường xuyên gửi thông báo nợ cho khách hàng, truy xuất phân tích nợ và lọc những khoản nợ gần đến hạn thanh toán, kế toán công nợ tiến hành lên kế hoạch theo dõi công nợ sát sao, lên kế hoạch phân tích tuổi nợ rõ ràng tập trung đối chiếu công nợ với khách hàng.
- Kế toán công nợ liên hệ với khách hàng để đối chiếu xác nhận thông qua: email, điện thoại, fax để liên hệ khách hàng xác nhận nợ, tiến hành hỏi thúc khách hàng thanh toán nhanh nhất có thể.
- Kế toán công nợ thường xuyên kiểm tra các khoản nợ, in thông báo công nợ, lập bảng đối chiếu công nợ gửi cho khách hàng.
- Cuối tháng kế toán công nợ lập Sổ chi tiết, Sổ cái, Bảng tổng hợp công nợ phải thu khách hàng để dễ theo dõi và quản lý công nợ.

Bước 3: Thu tiền và hạch toán giảm nợ:

Khi khách hàng chấp nhận thanh toán, kế toán công nợ nhận biên lai chuyển tiền hoặc giấy báo có của kế toán thanh toán gửi sang kế toán công nợ tiến hành đối chiếu, kiểm tra số tiền phải thu khách hàng với số tiền thu được có khớp với nhau hay không. Khớp số tiền, kế toán công nợ tiến hành hạch toán ghi giảm công nợ phải thu theo những hóa đơn mà khách hàng đã thanh toán.

Đối với các khoản phải thu ngoại tệ thì kế toán công nợ phải tiến hành đánh giá chênh lệch tỷ giá sau đó mới ghi giảm công nợ và hạch toán các chi phí liên quan, hạch toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá thu tiền và lập phiếu chứng từ kế toán để xử lý khoản chênh lệch đó.

Bước 4:

Sau khi gửi bản đối chiếu và xác nhận công nợ cho khách hàng mà khách hàng vẫn không thanh toán tiền hàng kế toán công nợ tiếp tục theo dõi nhắc nợ hỏi thúc khách hàng thanh toán nhanh nhất có thể, trường hợp sau khi gửi thông báo công nợ nhiều lần đến khách mà vẫn không thu được tiền hàng, tiến hành báo cáo lên cấp trên xin ý kiến giải quyết như treo các khoản nợ đó vào phải thu khó đòi lập dự phòng cho các khoản khó đòi đó, thanh lý hợp đồng hoặc kiện ra tòa để giải quyết.

Bước 5: Cuối tháng kế toán công nợ lập các báo cáo:

Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái, Tổng hợp công nợ phải thu trình ký lên kế toán trưởng ký duyệt.

2.3.3 Kết quả công việc

❖ Liên quan đến loại chứng từ kế toán:

- Hợp đồng
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn thuế GTGT
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Phiếu hạch toán thu tiền
- Chứng từ kế toán

❖ Liên quan đến bút toán:

Nghiệp vụ 1: Ngày 04/01/2024, Xuất kho lô hàng gia công cho EUROTTECH DEVELOPMENT LTD., theo phiếu xuất kho PXHH24010401 (phụ lục 3), Hóa đơn GTGT số 00000001 (phụ lục 7), với tổng giá trị là 97.046,15 USD, tương đương với 2.350.457.753 VNĐ, tỷ giá giao dịch là 24.220,00 VNĐ/USD, thuế GTGT 0%. Khách hàng chưa thanh toán.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1312: 2.350.457.753

Có TK 51122: 2.350.457.753

Nghiệp vụ 2: Ngày 06/01/2024, Xuất kho lô hàng gia công cho EUROTTECH DEVELOPMENT LTD., theo phiếu xuất kho PXHH24010501 (phụ lục 4), Hóa đơn GTGT số 00000002 (phụ lục 8), với tổng giá trị là 13.163,10 USD, tương đương với

318.415.389 VNĐ, tỷ giá giao dịch là 24.190,00 VNĐ/USD, thuế GTGT 0%. Khách hàng chưa thanh toán.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1312: 318.415.389

Có TK 51122: 318.415.389

Nghiệp vụ 3: Căn cứ vào hợp đồng ngày 19/12/2023, Số/No: 12-2023 DL/TP-NB (phụ lục 1). Ngày 12/01/2024, xuất hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, theo phiếu xuất kho PXSH24011201 (phụ lục 5), Hóa đơn GTGT số 00000006 (phụ lục 9), với tổng giá trị là 223.123.680 VNĐ, giá bán chưa bao gồm thuế là 206.596.000 VNĐ, thuế GTGT 8% là 16.527.680 VNĐ.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1311: 223.123.680

Có TK 51121: 206.596.000

Có TK 3331: 16.527.680

Cuối ngày, khách hàng thanh toán trước tổng giá trị chưa bao gồm thuế GTGT là 206.596.000 VNĐ

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1121-14: 206.596.000

Có TK 1311: 206.596.000

Nghiệp vụ 4: Ngày 30/01/2024, Kế toán thanh toán nhận được giấy báo có (phụ lục 14) của ngân hàng Vietcombank với nội dung khách hàng EUROTECH DEVELOPMENT LTD., thanh toán đơn hàng gia công ngày 04/01/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000001 (Phụ lục 7) và đơn hàng ngày 06/01/2024 theo số hóa đơn GTGT số 00000002 (Phụ lục 8), tổng giá trị 2 đơn hàng là 110.209,25 USD nhưng vì công ty phải chịu 25,00 USD tiền phí nhận tiền nên tổng giá trị nhận được trên Giấy báo có là 110.184,25 USD

Khi tiền về, Tỷ giá nhận tiền là 24.190,00 VNĐ/USD nhưng tỷ giá tại thời điểm quy đổi là 24.230,00 VNĐ/USD cao hơn tỷ giá nhận tiền, ghi nhận chênh lệch tỷ giá thu tiền (lời), kế toán công nợ tiến hành ghi giảm công nợ và hạch toán thu tiền (phụ lục 17).

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1122-02: $(110.184,25 * 24.230,00) = 2.669.764.378$

Có TK 1312: 2.668.268.392

Có TK 5152: $(2.669.764.378 - 2.668.268.392) = 1.495.986$

Công ty phải chịu phí nhận tiền 25,00 USD, kế toán hạch toán phiếu TH2401002 (phụ lục 18).

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 64276: 605.750

Có TK 1312: 605.750

Sau đó kế toán công nợ hạch toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá thu tiền (phụ lục 19) và xử lý chênh lệch tỷ giá (phụ lục 20)

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1312: 1.495.986

Có TK 5152: 1.495.986

Nợ TK 1312: 1.000

Có TK 5152: 1.000

Nghiệp vụ 5: Căn cứ vào hợp đồng ngày 02/01/2024 số: 001-2024 DL/CT (phụ lục 2). Ngày 30/01/2024, xuất hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, theo phiếu xuất kho PXCT24013001 (phụ lục 6), Hóa đơn GTGT số 00000014 (phụ lục 10), với tổng giá trị là 157.460.712 VNĐ, giá bán chưa bao gồm thuế là 145.796.956 VNĐ, thuế GTGT 8% là 11.663.756 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1313: 157.460.712

Có TK 51121: 145.796.956

Có TK 3331: 11.663.756

Nghiệp vụ 6: Ngày 31/01/2024, khách hàng CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT thanh toán số tiền phần còn lại theo hóa đơn GTGT 00000006 (Phụ lục 9) ngày 12/01/2024.

Hạch toán nghiệp vụ:

Nợ TK 1121-14: 16.527.680

Có TK 1311: 16.527.680

❖ **Diễn giải:**

Bước 1: Căn cứ vào hợp đồng bán hàng (**Phụ lục 1,2**), phiếu xuất kho (**Phụ lục 3, 4, 5, 6**) và hóa đơn GTGT (**Phụ lục 7, 8, 9, 10**) của phòng kinh doanh gửi sang, kế toán công nợ sẽ kiểm tra và đối chiếu với Sổ chi tiết công nợ phải thu (**Phụ lục 22, 23**) xem có đúng số tiền không.

Bước 2: Đồng thời thường xuyên kiểm tra thời hạn thanh toán, đối với những khoản nợ gần đến hạn thanh toán kế toán công nợ tiến hành gửi thông báo, bảng đối chiếu công nợ (**Phụ lục 11**) đến cho khách hàng thanh toán.

Bước 3: Khi khách hàng thanh toán, kế toán thanh toán sẽ chuyển biên lai chuyển tiền, phiếu thu hoặc giấy báo có cho kế toán công nợ, kế toán công nợ sẽ đối chiếu, kiểm tra số tiền phải thu khách hàng trên Sổ chi tiết công nợ phải thu (**Phụ lục 22, 23**) với số tiền trên biên lai chuyển tiền (**Phụ lục 12, 13**), giấy báo có (**Phụ lục 14**) xem có đúng với nhau hay không. Nếu đúng số tiền kế toán sẽ tiến hành ghi giảm công nợ phải thu theo những hóa đơn mà khách hàng thanh toán và hạch toán thu tiền (**Phụ lục 15, 16**).

Đồng thời hạch toán:

Nghiệp vụ 3:

Nợ TK 1121-14: 206.596.000

Có TK 1311: 206.596.000

Nghiệp vụ 6:

Nợ TK 1121-14: 16.527.680

Có TK 1311: 16.527.680

Đối với những khoản phải thu ngoại tệ thì khi tiền về kế toán công nợ sẽ đánh giá lại tỷ giá sau đó mới ghi giảm công nợ và hạch toán thu tiền BC2401008(**Phụ lục 17**)

Đồng thời hạch toán:

Nợ TK 1122-02: $(110.184,25 * 24.230,00) = 2.669.764.378$

Có TK 1312: 2.668.268.392

Có TK 5152: $(2.669.764.378 - 2.668.268.392) = 1.495.986$

Hạch toán phiếu hạch toán TH2401002 (**Phụ lục 18**) đối với khoản chi phí nhận tiền mà công ty phải chịu là 25\$.

Đồng thời hạch toán:

Nợ TK 64276: 605.750

Có TK 1312: 605.750

Sau đó kế toán công nợ hạch toán ghi nhận chênh lệch tỷ giá thu tiền lên phiếu chứng từ kế toán TH2401003 (**Phụ lục 19**) và xử lý chênh lệch tỷ giá lập phiếu hạch toán TH2401004 (**Phụ lục 20**).

Đồng thời hạch toán:

Nợ TK 1312: 1.495.986

Có TK 5152: 1.495.986

Nợ TK 1312: 1.000

Có TK 5152: 1.000

Bước 4: Khi gửi thông báo và bảng đối chiếu công nợ đến cho khách hàng nhiều lần mà khách hàng vẫn chưa chịu thanh toán kế toán công nợ tiếp gọi, gửi mail nhắc nợ đến khi nào khách hàng chịu thanh toán thì thôi. Xin ý kiến cấp trên để giải quyết đối với những khoản nợ quá hạn thanh toán mà vẫn k đòi được nợ.

Định kỳ lập Sổ nhật ký chung (**Phụ lục 21**), Sổ chi tiết công nợ phải thu (**Phụ lục 22, 23**), Sổ cái TK 131 (**Phụ lục 24**), Sổ tổng hợp công nợ phải thu (**Phụ lục 25**) trình ký lên kế toán trưởng ký duyệt.

❖ **Liên quan đến sổ kế toán:**

- Nhật ký chung (phụ lục 21)
- Sổ chi tiết công nợ phải thu (phụ lục 22, 23)
- Sổ cái tài khoản 131 (phụ lục 24)
- Sổ tổng hợp công nợ phải thu (phụ lục 25)
- Sổ tiền gửi ngân hàng HD Bank, Vietcombank (phụ lục 26)

❖ **Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:**

- Báo cáo công nợ
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

❖ **Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc:**

Hình thức ghi sổ công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung, do đó mà việc ghi chép trở nên thuận tiện, nhanh chóng, dễ dàng đối chiếu. Ngoài ra công ty áp dụng các biểu mẫu chế độ kế toán quy định theo thông tư 200/2014/TT-BTC.

❖ **Liên quan đến công việc kế toán khác:**

- Kế toán thanh toán
- Thủ quỹ
- Kế toán kho

❖ **Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:**

- Tất cả các Hợp đồng có dấu mộc đỏ sẽ được lưu trữ tại phòng Kế toán một bản và bộ phận có liên quan giữ bản còn lại được kẹp thành cuốn và lưu trữ vào tập hồ sơ của mỗi khách hàng.
- Các hóa đơn được lưu theo thứ tự ngày của tháng, đánh số thứ tự trên hóa đơn, kẹp các chứng từ liên quan như biên lai chuyển tiền, giấy báo có,... Tất cả kẹp riêng từng tháng, mỗi tháng một tập có bìa đầy đủ.
- Đối với Sổ nhật ký chung, Sổ chi tiết, Sổ cái,... sẽ được kết xuất từ phần mềm Kế toán MISA ra file Excel để lưu trữ trong một folder riêng theo từng tháng, năm và cũng được in ra đóng thành quyển để lưu trữ.

2.3.4 Kiểm tra kết quả công việc

❖ **Ai là người kiểm tra: Kế toán trưởng, Giám đốc**

❖ **Định kỳ kiểm tra: Định kỳ cuối tháng**

❖ **Cách thức kiểm tra:**

- So sánh đối chiếu số liệu giữa các sổ. Kiểm tra các sổ chi tiết so sánh với sổ cái xem đã khớp số liệu hay chưa.
- Đối chiếu các chứng từ đã lưu xem có khớp với các sổ hay chưa, sau đó lập các báo cáo trình giám đốc.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI THU KHÁCH HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI

3.1 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán phải thu khách hàng tại Công ty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai

3.1.1 Sự cần thiết

Nợ phải thu là một yếu tố quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nó thể hiện số tiền mà doanh nghiệp sẽ nhận được từ khách hàng sau khi đã cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ.

Quá trình quản lý công nợ có ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Quản lý công nợ hiệu quả giúp đảm bảo dòng tiền liên tục, từ đó doanh nghiệp có đủ nguồn lực để thanh toán các chi phí hoạt động, đầu tư và mở rộng kinh doanh.

Kế toán công nợ phải thu là một trong những nội dung chủ yếu của công tác kế toán phản ánh hiệu quả thu hồi công nợ của khách hàng. Với ý nghĩa to lớn đó, kế toán công nợ phải thu đòi hỏi các doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường áp dụng các biện pháp phù hợp, đúng với chế độ kế toán do Nhà nước ban hành.

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện

Để hoàn thiện, yêu cầu kế toán công nợ cần phải:

- Thiết lập các quy định rõ ràng về thời hạn thanh toán, chính sách tín dụng, và quy trình thu hồi nợ.
- Thường xuyên cập nhật, đối chiếu số liệu công nợ với khách hàng để đảm bảo thông tin chính xác và kịp thời.
- Kiểm tra các nội dung trong hợp đồng: thông tin khách hàng, điều khoản và hình thức thanh toán, chính sách phạt quá hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ của hai bên, phương án xử lý các vấn đề phát sinh.
- Thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi các khoản nợ để đưa ra dự phòng hợp lý, từ đó giảm thiểu rủi ro nợ xấu.
- Hợp tác, phối hợp ăn ý cùng các phòng ban để thu hồi công nợ đúng thời hạn.

- Lập các báo cáo tổng hợp công nợ cần thu, báo cáo phân tích tuổi nợ, trình lên cấp trên theo định kỳ.
- Báo cáo với kế toán trưởng và giám đốc về tình hình công nợ phải thu để lên kế hoạch thu hồi các khoản nợ xấu.

3.2 Giải pháp

3.2.1 Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán

Các phần hành kế toán được phân công rõ ràng cho từng nhân viên kế toán. Mỗi thành viên trong bộ máy kế toán đều thực hiện tốt phần hành của mình thường xuyên phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phần hành với nhau, đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán, ghi chép. Điều này giúp tránh tình trạng chồng chéo công việc và đảm bảo trách nhiệm rõ ràng.

Sử dụng phần mềm kế toán hiện đại giúp tự động hóa quy trình kế toán, giảm thiểu sai sót và nâng cao hiệu quả công việc.

Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho nhân để cập nhật kiến thức mới về quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán.

Thiết lập các quy trình kiểm soát nội bộ để giám sát và kiểm tra các hoạt động kế toán, đảm bảo tính minh bạch và trung thực trong báo cáo tài chính.

Số liệu kế toán được phản ánh chính xác, trung thực, hợp lý, dễ dàng, dễ hiểu. Tuy nhiên đưa quá trình hạch toán giảm công nợ cho khách hàng cho kế toán công nợ hạch toán, điều này gây ra rủi ro đối với kế toán thanh toán khi kế toán công nợ nhầm lẫn.

3.2.2 Giải pháp về công tác kế toán công nợ phải thu tại Công ty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai

Quá trình thanh toán của khách hàng Công ty TNHH Giày Thuận Phát có sự không hợp lý khi Công ty chấp nhận cho khách hàng thanh toán tổng tiền giá trị đơn hàng trước và thanh toán tiền thuế sau vào cuối tháng thì điều này sẽ gây ra rủi ro cho Công ty khi khấu trừ thuế GTGT trong trường hợp khách hàng không chịu thanh toán đúng hạn. Công ty cần có sự điều chỉnh lại điều khoản và điều kiện thanh toán của khách hàng trong quá trình phải thu khách hàng.

Đưa quá trình hạch toán giảm công nợ cho khách hàng (Nợ TK 111, 112 Có TK 131) cho kế toán công nợ hạch toán, điều này gây ra rủi ro đối với kế toán thanh toán khi kế toán công nợ xảy ra sai sót. Cần có sự tổ chức lại cách hạch toán.

Công ty vẫn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, còn nhiều hóa đơn đã quá hạn thanh toán trên 1 năm mà vẫn chưa thanh toán. Công ty nên thực hiện các khoản trích lập dự phòng để hạn chế mức rủi ro nhất với công ty. Giúp công ty có nguồn tài chính để bù đắp tổn thất về khoản nợ khó đòi có thể xảy ra trong năm kế hoạch nhằm bảo toàn vốn kinh doanh, đảm bảo cho công ty phản ánh đúng giá trị các khoản nợ phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Công ty nên bổ sung thêm các báo cáo tổng hợp chi tiết về tình hình công nợ, bao gồm tuổi nợ, tổng số tiền nợ,...

Hiện nay tại công ty chưa áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán nợ trước hạn. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thu hồi vốn nhanh, công ty nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Áp dụng chiết khấu thanh toán không chỉ giúp cải thiện dòng tiền và giảm thiểu rủi ro tín dụng mà còn mang lại nhiều lợi ích khác như cải thiện mối quan hệ khách hàng, tăng cường quản lý tài chính và tạo lợi thế cạnh tranh. Việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán đúng cách sẽ giúp công ty hoạt động hiệu quả và bền vững hơn.

KẾT LUẬN

Sau quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Đại Lực Đồng Nai, em đã nhận thấy rằng vốn kiến thức đã học ở nhà trường thật ra còn quá ít so với khi đi làm thực tế ngoài xã hội. Lúc đầu thực tập, em đã gặp không ít những khó khăn và bỡ ngỡ trước môi trường hoàn toàn mới lạ so với em – một sinh viên chưa hiểu biết nhiều về môi trường làm việc bên ngoài. Nhưng đã nhờ vào sự chỉ dẫn của các Anh, chị trong công ty cộng với những kiến thức mà em đã tiếp thu được ở nhà trường dần dần về sau công việc được vững vàng hơn, thuận lợi hơn và cũng nhờ vào đó mà em đã khắc phục được những nhược điểm vốn có của mà và hiểu rõ hơn nhiệm vụ cần có của một người kế toán viên. Song, em cũng đã học được nhiều kinh nghiệm quý báu, những điều hay, lẽ phải, những hiểu biết và tinh thần trách nhiệm vốn có mà cần phải có để sau này khi đi làm thì khó vấp ngã mà trở nên đứng vững hơn.

Kế toán công nợ là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các công nợ phát sinh trong từng thời kỳ. Từ đó, doanh nghiệp sẽ có những chính sách thu hồi nợ kịp thời nhằm đảm bảo các khoản công nợ sẽ được thanh toán đầy đủ, góp phần duy trì và phát triển mối quan hệ kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Trong thời gian qua em đã cố gắng nghiên cứu, học hỏi và vận dụng những kiến thức mình được học để áp dụng vào công việc thực tế để hoàn thiện được bài Báo cáo.

Một lần nữa em xin cảm ơn quý Thầy/Cô Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã hướng dẫn em tận tình để em có thể hoàn thành được bài khóa luận của mình, cũng như cảm ơn Quý Công ty Cổ phần Đại Lực Đồng Nai đã tạo một môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động để em có thể phát huy khả năng của mình. Em hy vọng nhận được những góp ý quý báu của các thầy cô và các anh chị để khóa luận tốt nghiệp được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Nghiệp vụ	Trang
Phụ lục 1	Hợp đồng gia công Số/No:12-2023 DL/TP-NB	Nghiệp vụ 3	34
Phụ lục 2	Hợp đồng Số: 001-2024 DL/CT	Nghiệp vụ 5	34
Phụ lục 3	Phiếu xuất kho PXKHH2401010401	Nghiệp vụ 1	35
Phụ lục 4	Phiếu xuất kho PXHH24010501	Nghiệp vụ 2	35
Phụ lục 5	Phiếu xuất kho PXSH24011201	Nghiệp vụ 3	36
Phụ lục 6	Phiếu xuất kho PXCT24013001	Nghiệp vụ 5	36
Phụ lục 7	Hóa đơn GTGT 00000001	Nghiệp vụ 1,4	37
Phụ lục 8	Hóa đơn GTGT 00000002	Nghiệp vụ 2,4	38
Phụ lục 9	Hóa đơn GTGT 00000006	Nghiệp vụ 3,6	39
Phụ lục 10	Hóa đơn GTGT 00000014	Nghiệp vụ 5	40
Phụ lục 11	Bảng đối chiếu công nợ của khách hàng CỤ TƯỜNG	Nghiệp vụ 5	41
Phụ lục 12	Biên lai chuyển tiền của Thuận Phát thanh toán 1 phần	Nghiệp vụ 3	41
Phụ lục 13	Biên lai chuyển tiền của Thuận Phát thanh toán phần còn lại	Nghiệp vụ 6	42
Phụ lục 14	Giấy báo có của khách hàng EUROTTECH	Nghiệp vụ 4	42
Phụ lục 15	Phiếu hạch toán thu tiền BC2401004	Nghiệp vụ 3	43
Phụ lục 16	Phiếu hạch toán thu tiền BC2401010	Nghiệp vụ 6	43

Phụ lục 17	Phiếu hạch toán thu tiền BC2401008	Nghiệp vụ 4	44
Phụ lục 18	Phiếu hạch toán TH2401002	Nghiệp vụ 4	44
Phụ lục 19	Phiếu chứng từ kế toán TH2401003	Nghiệp vụ 4	45
Phụ lục 20	Phiếu hạch toán TH2401004	Nghiệp vụ 4	45
Phụ lục 21	Sổ Nhật ký chung		46
Phụ lục 22	Sổ chi tiết công nợ phải thu trang 1		47
Phụ lục 23	Sổ chi tiết công nợ phải thu trang 2		48
Phụ lục 24	Sổ cái TK 131		49
Phụ lục 25	Sổ tổng hợp công nợ phải thu		50
Phụ lục 26	Sổ tiền gửi ngân hàng HD Bank, Vietcombank		51
Phụ lục 27	Bảng cân đối kế toán 2023 trang 1		52
Phụ lục 28	Bảng cân đối kế toán 2023 trang 2		53
Phụ lục 29	Bảng cân đối kế toán 2023 trang 3		54
Phụ lục 30	Bảng cân đối kế toán 2023 trang 4		55
Phụ lục 31	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023		56
Phụ lục 32	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2023		57

<p style="text-align: center;">CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Socialist Republic of Vietnam Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Independence - Freedom - Happiness</p> <p style="text-align: center;">HỢP ĐỒNG GIA CÔNG THE PROCESSING CONTRACT (Số/No: 12-2023 DL/TP-NB)</p> <p>Hôm nay, ngày 19/12/2023, Chúng tôi gồm có: Today is November 19th, 2023, we included:</p> <p>Bên A (Bên Gia Công): CÔNG TY TNHH GIÀY THỤẬN PHÁT Party B: THUAN PHAT SHOES COMPANY LIMITED Đại diện/Representative: Ms. LÊ THỊ MỸ LOAN Chức vụ: Giám Đốc Position: Manager Địa chỉ: Số 29, Khu phố 8, Đường Phan Chu Trinh, Thị Trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Address: No.29, Quarter 8, Phan Chu Trinh Street, Vinh An Town, Vinh Cau District, Dong Nai Province, Vietnam Điện Thoại/Tel: 0251.3860844 Mã số thuế/Tax Code: 3603464180</p> <p>Bên B (Bên Nhận Gia Công): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI Party B: DAI LUC DONG NAI JOINT STOCK COMPANY Đại diện/Representative: Ms. VÔNG LÂY PHỤNG Chức vụ: Phó Giám Đốc Position: Vice General Manager Địa chỉ: Tổ 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Address: Group 14, Hamlet 1, Vinh Tan Commune, Vinh Cau District, Dong Nai Province, Viet Nam Điện thoại/Tel: +84 251 3961228 Mã số thuế/Tax code: 3603520420</p> <p>Bên A và Bên B đồng ý ký kết hợp đồng này với các điều kiện và điều khoản như sau/ Party A and Party B have agreed to sign this contract with the following terms and conditions:</p> <p>Điều 1: MỤC ĐÍCH CỦA HỢP ĐỒNG Article 1: Purpose of Contract</p> <p>Bên B nhận gia công sản phẩm cho Bên A/Party B gets the Finished Products processing for Party A Số lượng và quy cách cụ thể theo từng đơn đặt hàng của Bên A bao gồm TP122023-045 và TP122023-066/ Quantity and specification according to the quantity and specification on Party A's purchase order TP122023-045 và TP122023-066.</p> <p>Đơn giá (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho các mã hàng như dưới đây/ Unit prices (excluding VAT) of the product codes below:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cát, may mã hàng D7: 58.000 VND/dôi - Cát, may, thành hình, đóng gói mã hàng Highbride PS+GS+TD: 82.000 VND/dôi - Cát, may mã hàng Highbride PS+GS+TD: 54.000 VND/dôi 	<p>khản, thì hai bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa Án Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai/ In the process of contract performance, if any difficulty arises, the two parties will discuss together to resolve in a spirit of cooperation and mutual respect. In case the two sides cannot reach an agreement to resolve the difficulty, the two sides will resolve the dispute at the People's Court Dong Nai Province.</p> <p>Hợp đồng này được lập thành 02 bản bằng song ngữ, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện. Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng/ This contract is made in 02 sets in bilingual, each party keeps 01 copy with equal legality for implementation. The Vietnamese will be prevailed.</p> <p>Hợp đồng sau khi được hai bên thực hiện, nếu không có khiếu nại hoặc tranh chấp, xem như đã được thanh lý/ The contract, after the implementation of the two parties, if there are no complaints or disputes, shall be deemed liquidated.</p> <p>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024/ The contract will be affected from December 1st, 2023 to December 31st, 2024</p> <p>ĐẠI DIỆN BÊN A Representative of Party A LÊ THỊ MỸ LOAN</p> <p>ĐẠI DIỆN BÊN B Representative of Party B VÔNG LÂY PHỤNG</p>
---	--

Phụ lục 1: Hợp đồng gia công Số/No:12-2023 DL/TP-NB

<p style="text-align: center;">CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc 越南社会主义共和国 獨立-自由-幸福</p> <p style="text-align: center;">HỢP ĐỒNG (Số: 001-2024 DL/CT ký ngày 02 tháng 01 năm 2024) 合同 (號 001-2024 DL/CT, 2024 年 01 月 02 日簽署)</p> <p>Hôm nay, ngày 02/01/2024 tại văn phòng CÔNG TY TNHH CỰ TƯỚNG, đại diện hai bên gồm có: 今天 2024 年 01 月 02 日, 巨祥責任有限公司, 雙方代表:</p> <p>Bên A: CÔNG TY TNHH CỰ TƯỚNG A 方: 巨祥責任有限公司 Địa chỉ: Một phần lô B3(Lô A5.6) đường N14, Khu Công Nghiệp Đồng An 2 Phường Hòa Phú, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương Việt Nam. 地址: (越南) 平陽省, 土龍木市, 和富坊, 同安 2 工業區, N14 路, A5.6 号。 Đại diện pháp luật/带法人: LIU HONG NAN Đại diện ký hợp đồng: Ông ZHENG WEI HUA Chức vụ: Tổng Giám Đốc 带法签合同: ZHENG WEI HUA : 总经理 Mã số thuế: 3702782917 稅號: 3702782917</p> <p>Bên B: B 方 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI 同奈大力股份公司 Địa chỉ: Tổ 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai 地址: 同奈省, 永久, 永新社, 第一區 Điện thoại/电话: 0251-3961228 Người đại diện/代表人: VÔNG CÁ SẾNH 黄家豪 Chức vụ/职务: Giám Đốc 總經理 MST/稅号: 3603520420 Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản sau: 經協商, 雙方同意簽署以下條款之合約:</p> <p>Điều 1: Sản phẩm - số lượng - giá cả 第一條: 產品 - 數量 - 價格 1. Bên B nhận gia công giày cho bên A B 方得到鞋子加工 A 方</p>	<p>Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên B. 付款方式: 匯款到 B 方銀行帳戶。 Chủ Tài Khoản 帳戶: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI (同奈大力股份公司) Số: 帳號: 5904201003169 Tại Ngân Hàng 銀行: Agribank chi nhánh Huyện Vĩnh Cửu – Bắc Đồng Nai Thời hạn thanh toán: Kết thúc đơn hàng. Bên A thanh toán tiền hàng cho bên B sau khi công nợ kết thúc.</p> <p>Điều 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG 第五條: 共同條款 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 31/12/2024. Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. 合約生效日期從雙方簽約起至 2024 年 12 月 31 日, 合約錄立成四份, 每方留兩份, 有同等法理價</p> <p>ĐẠI DIỆN BÊN A A 方簽約代表人 ZHENG WEI HUA</p> <p>ĐẠI DIỆN BÊN B B 方代表人 VÔNG CÁ SẾNH</p>
---	---

Phụ lục 2: Hợp đồng Số: 001-2024 DL/CT

Cty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai
Địa chỉ : Tô 14, ấp 1, Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai
MST : 3603520420




Số: **PXSH24011201**

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 01 năm 2024

Đơn vị **CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT** Người nhận hàng **THUẬN PHÁT**
Địa Chỉ :
Xuất tại kho: **THÀNH PHẨM CÔNG TY ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**
Lý do xuất: **xuất hàng gia công**

STT No.	MFG CODE	CODE	3 35	3,5 36	4 37	4,5 37,5	5 38	5,5 39W	6 39	7 40	8 41	9 42	9,5 42,5	10 43	11 44	11,5 45	12 46	13 47	Cộng Total	Ghi chú
1	ZY-12-2023-188	WHITE									75	150	75	150	150	75	150	75	900,00	
2	ZY-12-2023-189	WHITE									10	20	25	35	30	10	10	10	150,00	
3	ZY-12-2023-190	BLACK									75	150	75	150	150	75	150	75	900,00	
4	ZY-12-2023-191	GREY									10	10	15	25	15	10	10	5	100,00	
5	ZY-12-2023-192	RED									63	126	63	126	126	63	126	63	756,00	
6	ZY-12-2023-193	SKYBLUE									63	126	63	126	126	63	126	63	756,00	
Tổng cộng 6 đơn hàng											296	582	316	612	597	296	572	291	3562,00	

Người nhận  Người lập phiếu  Chủ quản 

Lê Thảo Linh Phạm Minh Vũ

Phụ lục 5: Phiếu xuất kho PXSH24011201

Cty Cổ Phần Đại Lực Đồng Nai
Địa chỉ : Tô 14, ấp 1, Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai
MST : 3603520420


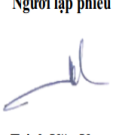
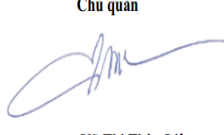
Số: **PXCT24013001**

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 01 năm 2024

Đơn vị **CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG** Người nhận hàng **CỤ TƯỜNG**
Địa Chỉ :
Xuất tại kho: **THÀNH PHẨM CÔNG TY ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**
Lý do xuất:

STT No.	MFG CODE	CODE	3 35	3,5 36	4 37	5 38	5,5 39W	6 39	7 40	8 41	9 42	10 43	11 44	11,5 45	12 46	13 47	Cộng Total	Ghi chú
1	P024-2001007	IQ27ST-1		547	300	266	658	500	540	500	706	235	199				4.451,00	
Tổng cộng 1 Đơn Hàng				547	300	266	658	500	540	500	706	235	199				4.451,00	

Người nhận  Người lập phiếu  Chủ quản 

Trịnh Văn Vọng Vũ Thị Thùy Liên

Phụ lục 6: Phiếu xuất kho PXCT24013001



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Sign): 1C24TDL
Số (No): **00000001**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 04 tháng (month) 01 năm (year) 2024
Mã CQT (Code): 00DE8EA5CB54244F9FAEECBDCF8807D785

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**
Mã số thuế (Tax code): **3603520420**
Địa chỉ (Address): Tô 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0251-3961228 Fax : 0251-3961226
Email: info@dailucdongnai.com Website: dailucdongnai.com

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): EUROTECH DEVELOPMENT LTD.,
Mã số thuế (Tax code):
Địa chỉ (Address): R-1112, 11TH Floor, Hollywood Plaza, 610 Nathan Road, Mongkok, Kowloon, HongKong
Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giày mã 11933_597	Đôi	1.035,00	15,4300	15.970,05
2	Giày mã 11934_597	Đôi	925,00	14,5700	13.477,25
3	Giày mã 11935_990	Đôi	825,00	14,1600	11.682,00
4	Giày mã 11937_011	Đôi	825,00	18,3400	15.130,50
5	Giày mã 11937_597	Đôi	1.030,00	18,3300	18.879,90
6	Giày mã 11938_316	Đôi	1.215,00	18,0300	21.906,45
7	Theo tờ khai xuất 306115981900				
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					97.046,15
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					97.046,15 USD

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): **Chín mươi bảy nghìn không trăm bốn mươi sáu đô la Mỹ và mười lăm xen.**

Tỷ giá (Exchange rate): 24.220,00 VND/USD

Quy đổi (Equivalence): 2.350.457.753 VND

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Ký ngày: **04/01/2024**

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): KECKIMD8ZK2

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Phụ lục 7: Hóa đơn GTGT 00000001



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Sign): 1C24TDL
Số (No): **00000002**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 06 tháng (month) 01 năm (year) 2024
Mã CQT (Code): 0059FD7DF5E02B4553A3A0A1D10860737C

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Mã số thuế (Tax code): **3603520420**

Địa chỉ (Address): Tổ 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251-3961228

Fax : 0251-3961226

Email: info@dailucdongnai.com

Website: dailucdongnai.com

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): EUROTECH DEVELOPMENT LTD.,

Mã số thuế (Tax code):

Địa chỉ (Address): R-1112, 11TH Floor, Hollywood Plaza, 610 Nathan Road, Mongkok, Kowloon, HongKong

Hình thức thanh toán (Payment method): Chuyển khoản

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Giấy mã 11937_964	Đôi	225,00	19,1100	4.299,75
2	Giấy mã 11938_011	Đôi	165,00	17,2600	2.847,90
3	Giấy mã 11939_011	Đôi	75,00	19,1000	1.432,50
4	Giấy mã 11940_990	Đôi	120,00	18,6600	2.239,20
5	Giấy mã 11940_462	Đôi	125,00	18,7500	2.343,75
6	Theo tờ khai xuất 306120118900				
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					13.163,10
Thuế suất GTGT (VAT rate):		0 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					13.163,10 USD

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Mười ba nghìn một trăm sáu mươi ba đô la Mỹ và mười xen.

Tỷ giá (Exchange rate): 24.190,00 VND/USD

Quy đổi (Equivalence): 318.415.389 VND

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Ký ngày: 06/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): X5CEI7KK1P0

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Phụ lục 8: Hóa đơn GTGT 00000002



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Sign): 1C24TDL
Số (No): **00000006**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 12 tháng (month) 01 năm (year) 2024
Mã CQT (Code): 002BA8B164997E4429B80AA784FE86BFAB

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**
Mã số thuế (Tax code): **3603520420**
Địa chỉ (Address): Tổ 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Điện thoại (Tel): 0251-3961228 Fax : 0251-3961226
Email: info@dailucdongnai.com Website: dailucdongnai.com

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT**
Mã số thuế (Tax code): 3603464180
Địa chỉ (Address): Số 29, KP 8, đường Phan Chu Trinh, Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	ZY-12-2023-188 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	900,00	58.000,0000	52.200.000
2	ZY-12-2023-189 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	150,00	58.000,0000	8.700.000
3	ZY-12-2023-190 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	900,00	58.000,0000	52.200.000
4	ZY-12-2023-191 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	100,00	58.000,0000	5.800.000
5	ZY-12-2023-192 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	756,00	58.000,0000	43.848.000
6	ZY-12-2023-193 Gia công chặt may theo PO TP122023-045	Đôi	756,00	58.000,0000	43.848.000
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					206.596.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		16.527.680
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					223.123.680

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Hai trăm hai mươi ba triệu một trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng chẵn.

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Ký ngày: 12/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): _8CNI78AKE4

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm MeInvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Phụ lục 9: Hóa đơn GTGT 00000006



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Sign): 1C24TDL
Số (No): **00000014**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(E-Invoice viewer)

Ngày (Date) 31 tháng (month) 01 năm (year) 2024
Mã CQT (Code): 00D8F6FD5DB23847FDB1F267C552684A99

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Mã số thuế (Tax code): **3603520420**

Địa chỉ (Address): Tô 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0251-3961228

Fax : 0251-3961226

Email: info@dailudongnai.com

Website: dailudongnai.com

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG**

Mã số thuế (Tax code): 3702782917

Địa chỉ (Address): Một phần lô B3 (Lô A5.6), đường N14, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): **Chuyển khoản**

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gia công dán dếp IQ27ST-1	Đôi	4.451,00	32.756	145.796.956
Cộng tiền hàng (Total before VAT):					145.796.956
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8 %	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		11.663.756
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					157.460.712

Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): **Một trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bảy trăm mười hai đồng chẵn.**

Người mua hàng (Buyer)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Ký, ghi rõ họ, tên)
(Signature, full name)

Ký bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**

Ký ngày: 31/01/2024

(Cần kiểm tra, đối chiếu trước khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): BKCEI90W6XE

Tra cứu tại Website (Search on Website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu/>

Phát hành bởi phần mềm Melnvoice.vn - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.com.vn) - MST: 0101243150

Phụ lục 10:Hóa đơn GTGT 00000014

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
Mã số thuế : 3603520420
Địa chỉ trụ sở : Tô 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.
BẢNG ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ HÀNG GIA CÔNG THÁNG 01/2024


STT	Mã hàng	Đơn vị	Số lượng đơn hàng	Số lượng thanh toán	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Số đơn giao hàng	Ngày giao hàng	GHI CHÚ
1	P24-2001007	Đôi	4.451,00		32.756.0000	145.796.956	PXCT24013001	30/01/2024	
TOTAL			4.451			145.796.956			
VAT 8%						11.663.756			
TỔNG SỐ TIỀN						157.460.712			

Account Name : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
Advising Bank Throught : Agribank Chi nhánh Huyện Vĩnh Cửu – Bắc Đồng Nai
Account No VND : 5904 20100 3169

CÔNG TY TNHH CỰ TƯỜNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI

ZHENG WEI HUA VÒNG CÁ SẴNH

Phụ lục 11: Bảng đối chiếu công nợ của khách hàng CỰ TƯỜNG



www.hdbank.com.vn
Hotline: 19006060

BIÊN LAI CHUYỂN TIỀN
(Payment Receipt)

Ngày hiệu lực <i>Effective Date</i>	12/01/2024		
Số giao dịch <i>Order Number</i>	202646		
Số thẻ chuyển đến <i>Card Number</i>	19138709224444		
Tại ngân hàng <i>Bank Name</i>	TECHCOMBANK		
Đơn vị nhận tiền <i>Account Holder Name</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI		
Số tài khoản <i>Account Number</i>	135704078978999	Loại tiền <i>Currency</i>	VND
Tại ngân hàng <i>Bank Name</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Tp.Hồ Chí Minh		
Số tiền <i>Amount</i>	206,596,000 VND		
Số tiền bằng chữ <i>In words</i>	Hai trăm linh sáu triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng		
Nội dung chuyển khoản <i>Details of Payment</i>	Chuyen khoan THANH TOAN TIEN GIA CONG PO.TP122023-045		

Cám ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của HDBank
Thank you for banking with HDBank

Lưu ý: Nếu có thắc mắc hoặc cần được hướng dẫn thêm, Quý khách vui lòng liên hệ Chi nhánh/PGD HDBank gần nhất hoặc Trung tâm dịch vụ khách hàng qua số điện thoại 19006060.
Note: If you have any question or need further instructions, please contact nearest HDBank's Branch or Customer Service Center through 19006060.

Phụ lục 12: Biên lai chuyển tiền của Thuận Phát thanh toán 1 phần

HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

www.hdbank.com.vn
Hotline: 19006060



BIÊN LAI CHUYỂN TIỀN
(Payment Receipt)

Ngày hiệu lực Effective Date	31/01/2024		
Số giao dịch Order Number	475470		
Số thẻ chuyển đến Card Number	999966608		
Tại ngân hàng Bank Name	ACB BANK		
Đơn vị nhận tiền Account Holder Name	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LUC ĐÔNG NAI		
Số tài khoản Account Number	135704078978999	Loại tiền Currency	VND
Tại ngân hàng Bank Name	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Tp.Hồ Chí Minh		
Số tiền Amount	16,527,680 VND		
Số tiền bằng chữ In words	Mười sáu triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm tám mươi đồng		
Nội dung chuyển khoản Details of Payment	THANH TOAN TIEN MUA VAT TU CON LAI HD 06-070324-19:58:20 475470		

Cám ơn quý khách đã sử dụng dịch vụ của HDBank
Thank you for banking with HDBank

LƯU Ý: Nếu có thắc mắc hoặc cần được hướng dẫn thêm, Quý khách vui lòng liên hệ Chi nhánh/PGD HDBank gần nhất hoặc Trung tâm dịch vụ khách hàng qua số điện thoại 19006060.
Note: If you have any question or need further instructions, please contact nearest HDBank's Branch or Customer Service Center through 19006060.

Phụ lục 13: Biên lai chuyển tiền của Thuận Phát thanh toán số tiền còn lại

Vietcombank	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VN CHI NHÁNH TRỤ SỞ CHÍNH Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội MST NH: 0100112437	GIẤY BẢO NỢ/CÓ (Không phải hóa đơn GTGT) Ngày (Date): 30/01/2024 (Liên 1: Lưu, Liên 2: KH) Số Chứng Từ - Doc No: 3001245009.005171
Người ra lệnh Họ tên : EUROTECH DEVELOPMENT LIMITED Số TK : 000000056210273037 Địa chỉ : MST/Số CMT : Ngày cấp : Nơi cấp: Tại ngân hàng : STANDARD CHARTERED BANK NEW YORK, NY Số tiền nợ : 110.184,25 Loại tiền: USD (bằng chữ) : Một trăm mười ngàn một trăm tám mươi bốn phẩy hai mươi lăm US. Dollar Số tiền phí : 0,00 Loại tiền: USD Thuế VAT : 0,00 Loại tiền: USD		Người hưởng Họ tên : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LUC ĐÔNG NAI Số TK : 0001025743168 Địa chỉ : MST/Số CMT : Ngày cấp : Nơi cấp: Tại ngân hàng : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam - CN VCB ĐÔNG NAI-TRU SO CN Số tiền có : 110.184,25 Loại tiền: USD (bằng chữ) : Một trăm mười ngàn một trăm tám mươi bốn phẩy hai mươi lăm US. Dollar
Tỷ giá : 24,190 Nội dung : /REF:2024020200122429(//)VAL:240202USD110184,25/33B:USD110209,25/MID:0A22E51231YGDGHF/ReI ref:null/50.EUROTECH DEVELOPMENT LIMITEDROOM 1112 11 F HOLLYWOOD PLAZA 610/70:PAYMENT FROM EUROTECH DEVELOPMENT L Ngân hàng gửi : TD FORBANK VOICES NO. HHL-24041A /60A/Pmt null/71A:SHA Ngân hàng nhận : STANDARD CHARTERED BANK NEW YORK, NY Ngân hàng nhận : NH TMCP Ngoại thương Viet Nam		
NGƯỜI IN 		NGƯỜI DUYỆT IN 
Ngày in: 05/02/2024		

Phụ lục 14: Giấy báo có của khách hàng EUROTECH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
Tổ 14, ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

CHỨNG TỪ KẾ TOÁN

Tên: EUROTECH DEVELOPMENT LTD., Số: TH2401003
Địa chỉ: R.1112,11/F, Hollywood Plaza, 610 Nathan Road, Mongkok, Ngày: 30/01/2024
HongKong
Diễn giải: Xử lý chênh lệch tỷ giá khi thực hiện đối trừ chứng từ Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn HHI-24041A/00000001, HHI-24041A/00000002

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Xử lý chênh lệch tỷ giá khi thực hiện đối trừ chứng từ Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn HHI-24041A/00000001, HHI-24041A/00000002	1312	5152	1.000
Cộng				1.000

Thành tiền bằng chữ: *Một nghìn đồng chẵn.*

Ghi chú:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đoàn Thị Mỹ Duyên

Phụ lục 19: Phiếu chứng từ kế toán TH2401003

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
Tổ 14, ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHIẾU HẠCH TOÁN

Tên: EUROTECH DEVELOPMENT LTD., Số: TH2401004
Địa chỉ: R.1112,11/F, Hollywood Plaza, 610 Nathan Road, Mongkok, Ngày: 30/01/2024
HongKong
Diễn giải: Chênh lệch tỷ giá Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn HHI-24041A/00000001, HHI-24041A/00000002

STT	Diễn giải	Ghi Nợ	Ghi Có	Thành tiền
1	Chênh lệch tỷ giá Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn HHI-24041A/00000001, HHI-24041A/00000002	1312	5152	
2	Chênh lệch tỷ giá Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn HHI-24041A/00000001, HHI-24041A/00000002	1312	5152	
Cộng				

Thành tiền bằng chữ:

Tỷ giá: 24.230,00 VND/USD

Quy đổi: 1.495.986 VND

Ghi chú:

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Đoàn Thị Mỹ Duyên

Phụ lục 20: Phiếu hạch toán TH2401004

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI				Mẫu số S03a-DN				
Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai				(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC)				
MST: 3603520420				Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Tháng 01 Năm 2024								
Đơn vị tính: đồng								
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT đóng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
04/01/2024	HD00000001	04/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD., khách hàng chưa thanh toán			1312	2.350.457.753	
04/01/2024	HD00000001	04/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD., khách hàng chưa thanh toán			51122		2.350.457.753
06/01/2024	HD00000002	06/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD, khách hàng chưa thanh toán			1312	318.415.389	
06/01/2024	HD00000002	06/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD, khách hàng chưa thanh toán			51122		318.415.389
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			1311	223.123.680	
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			51121		206.596.000
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			3331		16.527.680
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			1121-14	206.596.000	
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			1311		206.596.000
30/01/2024	BC2401008	30/01/2024	Khách hàng EUROTECH DEVELOPMENT LTD., thanh toán đơn hàng mua ngày 04/01/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000001 và đơn hàng ngày 06/01/2024 theo số hóa đơn GTGT số 00000002			1122-02	2.668.268.392	
30/01/2024	BC2401008	30/01/2024	Khách hàng EUROTECH DEVELOPMENT LTD., thanh toán đơn hàng mua ngày 04/01/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000001 và đơn hàng ngày 06/01/2024 theo số hóa đơn GTGT số 00000002			1312		2.668.268.392
31/01/2024	HD00000014	31/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, khách hàng chưa thanh toán			1313	157.460.712	
31/01/2024	HD00000014	31/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, khách hàng chưa thanh toán			51121		145.796.956
31/01/2024	HD00000014	31/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, khách hàng chưa thanh toán			3331		11.663.756
31/01/2024	BC2401010	31/01/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT thanh toán số tiền còn lại của hóa đơn GTGT 00000006 ngày 12/01/2024			1121-14	16.527.680	
31/01/2024	BC2401010	31/01/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH GIÀY THUẬN PHÁT thanh toán số tiền còn lại của hóa đơn GTGT 00000006 ngày 12/01/2024			1311		16.527.680
Cộng chuyển sang trang sau				x	x	x	5.940.849.606	5.940.849.606
- Sổ này có 2 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 02								
- Ngày mở sổ: 31/01/2024								
Người ghi số (Ký, họ tên)				Kế toán trưởng (Ký, họ tên)				Ngày 31 tháng 01 năm 2024
								Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 21: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀI LỰC ĐỒNG NAI Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu, Đồng Nai MST: 3603520420			Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)					
			SỐ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung) Tháng 01 năm 2024 Tên tài khoản: PHẢI THU KHÁCH HÀNG Số hiệu: 131					
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			- Số dư đầu năm				242.200.000	
			- Số phát sinh trong tháng					
04/01/2024	HD00000001	04/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD., khách hàng chưa thanh toán			51122	2.350.457.753	
06/01/2024	HD00000002	06/01/2024	Bán hàng gia công cho EUROTECH DEVELOPMENT LTD, khách hàng chưa thanh toán			51122	318.415.389	
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			51121	206.596.000	
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			3331	16.527.680	
12/01/2024	HD00000006	12/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT, khách hàng thanh toán 1 nửa			1121-14		206.596.000
30/01/2024	BC2401008	30/01/2024	Khách hàng EUROTECH DEVELOPMENT LTD., thanh toán đơn hàng mua ngày 04/01/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000001 và đơn hàng ngày 06/01/2024 theo số hóa đơn GTGT số 00000002			1122-02		2.668.268.392
31/01/2024	HD00000014	31/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, khách hàng chưa thanh toán			51121	145.796.956	
31/01/2024	HD00000014	31/01/2024	Bán hàng gia công cho CÔNG TY TNHH CỤ TƯỜNG, khách hàng chưa thanh toán			3331	11.663.756	
31/01/2024	BC2401010	31/01/2024	Khách hàng CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT thanh toán số tiền còn lại của hóa đơn GTGT 00000006 ngày 12/01/2024			1121-14		16.527.680
			- Cộng Số phát sinh tháng				3.049.457.534	2.891.392.072
			- Số dư cuối tháng				400.265.462	
- Số này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01								
- Ngày mở số: 31/01/2024								
Người ghi số (Ký, họ tên)			Kế toán trưởng (Ký, họ tên)			Ngày 31 tháng 01 năm 2024 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)		
Đoàn Thị Mỹ Duyên			Hồ Nhục Lin			Vòng Cá Sênh		

Phụ lục 24: Sổ cái TK 131

D33									
A	B	C	D	E	F	G	H	I	
1 Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI					Mẫu số: S08- DN				
2 Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, Vinh Tân, Vinh Cửu, Đồng Nai					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC				
3 MST: 3603520420 MST: 3603520420					Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG									
Tài khoản: 1121-14- Tiền gửi ngân hàng HD BANK (13504078978999)									
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại		
A	B	C	D	E	1	2	3	F	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
12/01/2024	BC2401004	12/01/2024	Thu tiền của CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT 1 phần theo hóa đơn 00000006	1311	206.596.000				
31/01/2024	BC2401010	31/01/2024	Thu tiền của CÔNG TY TNHH GIẤY THUẬN PHÁT phần còn lại theo hóa đơn 00000006	1311	16.527.680				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		223.123.680	0	x	x	
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	223.123.680	x	
17 - Số này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01									
18 - Ngày mở sổ: 31/01/2024									
					Ngày 31 tháng 01 năm 2024				
20 Người ghi số			Kế toán trưởng		Giám đốc				
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)				
25 Đoàn Thị Mỹ Duyên		Hồ Nhục Lin			Vòng Cá Sênh				

F24									
A	B	C	D	E	F	G	H	I	
1 Đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI					Mẫu số: S08- DN				
2 Địa chỉ: Tổ 14, ấp 1, Vinh Tân, Vinh Cửu, Đồng Nai					(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC				
3 MST: 3603520420 MST: 3603520420					Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)				
SỐ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG									
Tài khoản: 1122-02- Tiền gửi ngân hàng VIETCOMBANK (0001025743168)									
Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền			Ghi chú	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Thu (gửi vào)	Chi (rút ra)	Còn lại		
A	B	C	D	E	1	2	3	F	
			- Số dư đầu kỳ						
			- Số phát sinh trong kỳ						
30/01/2024	BC2401008	30/01/2024	Thu tiền của EUROTECH DEVELOPMENT LTD., theo hóa đơn 00000001, 00000002	1312	2.668.268.392				
			- Cộng số phát sinh trong kỳ		2.668.268.392	0	x	x	
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x	2.668.268.392	x	
16 - Số này có 1 trang, đánh số từ trang 01 đến trang 01									
17 - Ngày mở sổ: 31/01/2024									
					Ngày 31 tháng 01 năm 2024				
20 Người ghi số			Kế toán trưởng		Giám đốc				
(Ký, họ tên)			(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên, đóng dấu)				
25 Đoàn Thị Mỹ Duyên		Hồ Nhục Lin			Vòng Cá Sênh				

Phụ lục 26: Sổ tiền gửi ngân hàng HD Bank, Vietcombank

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số
380/2014 TT-BTC, ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI

[02] Mã số thuế: 3603520420

[03] Địa chỉ: Tờ 14, Ấp 1, Xã Vĩnh Tân, Huyện Vĩnh
Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

[04] Quận/Huyện: Huyện
Vĩnh Cửu

[05] Tỉnh/Thành phố:
Đồng Nai

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		92.895.364.720	60.279.840.281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		28.692.419.827	14.320.000.000
1. Tiền	111		28.692.419.827	14.320.000.000
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		200.000	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		200.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		18.561.195.267	22.904.000.000
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		14.565.344.191	22.127.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		523.269.388	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.472.581.688	777.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		35.217.813.545	18.716.000.000
1. Hàng tồn kho	141		35.217.813.545	18.716.000.000
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150 = 151 + 152 + ... + 155)	150		10.423.736.081	4.339.840.281
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.070.914.291	914.418.310
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.352.821.790	3.425.421.971
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		38.941.270.907	48.675.316.152
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

1/4

Phụ lục 27: Bảng cân đối kế toán trang 1



2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216	0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220	27.323.074.526	38.193.745.540
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221	20.939.563.800	34.012.412.208
- Nguyên giá	222	31.782.577.795	42.768.803.154
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(10.843.013.995)	(8.756.390.946)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224	6.383.510.726	4.181.333.332
- Nguyên giá	225	8.143.844.363	4.480.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	(1.760.333.637)	(298.666.668)
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227	0	0
- Nguyên giá	228	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230	0	0
- Nguyên giá	231	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240	11.618.196.381	8.087.000.000
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11.618.196.381	8.087.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250	0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253	0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260	0	2.394.570.612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	0	2.394.570.612
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	131.836.635.627	108.955.156.433
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	73.588.509.302	51.254.330.778
1. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 + ... + 323 + 324)	310	68.326.581.044	47.898.706.610
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.221.238.581	4.946.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	502.483.503	224.666.685
4. Phải trả người lao động	314	4.757.981.860	6.006.748.453
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	0	709.431.223
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	0	702.706.449
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	0	517.659.140
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	50.844.877.100	34.791.494.660
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323	0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 + ... + 342 + 343)	330	5.261.928.258	3.355.624.168
1. Phải trả người bán dài hạn	331	0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337	0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.261.928.258	3.355.624.168
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	58.248.126.325	57.700.825.655
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + ... + 421 + 422)	410	58.248.126.325	57.700.825.655
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411	24.050.000.000	24.050.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	24.050.000.000	24.050.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2.200.000.000	2.200.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	30.815.000.000	30.815.000.000
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421	1.183.126.325	635.825.655
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	635.825.655	349.205.655
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	547.300.670	286.620.000
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430	0	0
1. Nguồn kinh phí	431	0	0

3/4

Phụ lục 29: Bảng cân đối kế toán trang 3

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCD	432	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	131.836.635.627	108.955.156.433

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

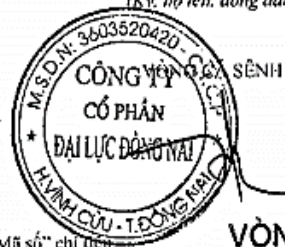
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

HỒ NHỤC LIN



VÒNG CÁ SÊNH

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mũi số" chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI.

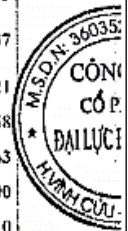
PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

Mẫu số: B 02
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC, Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI
[03] Mã số thuế: 3603520420

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		137.154.541.873	228.099.523.829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		137.154.541.873	228.099.523.829
4. Giá vốn hàng bán	11		122.753.314.976	208.959.689.370
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.401.226.897	19.139.834.459
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.809.921.118	608.604.876
7. Chi phí tài chính	22		5.426.258.760	3.363.993.257
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.553.741.842	2.174.070.608
8. Chi phí bán hàng	25		5.578.113.458	6.823.004.108
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.974.096.344	9.339.678.933
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		232.679.453	221.763.037
11. Thu nhập khác	31		4.804.416.360	4.061.802.021
12. Chi phí khác	32		4.489.795.143	3.996.945.058
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		314.621.217	64.856.963
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		547.300.670	286.620.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		109.460.134	0
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		437.840.536	286.620.000
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

HỒ NHỤC LIN



VÒNG CÁ SÊN H

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI.

Phụ lục 31: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2023

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Mẫu số: **B 03**
- DN
(Ban hành
theo Thông
tư số
200 2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

02] Tên người nộp thuế: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI**
03] Mã số thuế: **3603520420**

Chỉ tiêu	Mã số	Tuyệt minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		137.154.541.873	237.515.291.957
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.407.716.293)	(127.987.764.715)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(86.883.092.709)	(82.392.123.954)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.162.289.950)	(1.914.989.293)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	(317.025.163)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.079.633.037	1.372.724.687
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		10.641.642.536	(17.030.418.149)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.422.718.494	9.245.695.370
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(113.497.439)	(8.082.223.011)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		0	2.793.786.071
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(200.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(113.697.439)	(5.288.436.940)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		11.407.285.069	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		68.732.076.460	56.355.010.668
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(63.817.186.471)	(84.508.955.412)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(11.258.908.000)	(254.613.332)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.063.267.058	(28.408.558.076)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		14.372.288.113	(24.451.299.646)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		14.320.131.714	39.000.824.406
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	(229.524.760)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		28.692.419.827	14.320.000.000



Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 04 tháng 03 năm 2024

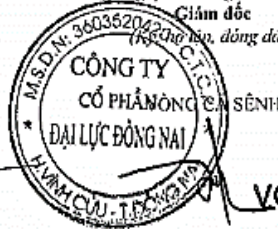
Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

HỒ NHUC LIN



VÒNG CÁ SÊN

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LỰC ĐỒNG NAI.**

Phụ lục 32: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2023

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Võ Văn Nhị, 2015, Giáo trình nguyên lý kế toán, trường đại học Kinh tế Tp.HCM, NXB Kinh tế Tp.HCM .
- 2) Võ Văn Nhị, 2015, Giáo trình kế toán tài chính, trường đại học Kinh tế Tp.HCM, NXB Kinh tế Tp.HCM.
- 3) Tài liệu của Công ty Cổ phần Đại Lực Đồng Nai , do phòng kế toán cung cấp.
- 4) Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
- 5) Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
- 6) Thông tư 228/2009/TT-BTC hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các nợ phải thu khó đòi.